

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 68/2022/DS-GĐT

Ngày 05-12-2022

V/v “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- T2 phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Việt Cường**

*Các Thẩm phán:* Ông **Lê Tự** và ông **Nguyễn Cường**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lưu Thị Hương** - Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông **Đoàn Ngọc Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **Trương Thị D**, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Nhà số 07 L, phường L, thành phố N, tỉnh K1.

*Người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2078/GUQ ngày 17-02-2020 và số 9847/GUQ ngày 08-12-2021):*

- Ông **Lê Chí M**, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: Số 07 Lý Tự T, phường L, thành phố N, tỉnh K1.

- Ông **Nguyễn Tự M1**, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Nhà số 8/10 N, phường T, thành phố N, tỉnh K1.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

- Luật sư **Lê Thị Thu H** và Luật sư **Huỳnh Thị Mỹ T** - Công ty Luật TNHH Trương Anh T, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H.

**2. Bị đơn:**

**2.1.** Bà **Lê Thị Hồng M2**, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Nhà số 01C R, phường P, thành phố N, tỉnh K1.

**2.2.** Bà **Lê Thị Thu H1**, sinh năm 1958; địa chỉ cư trú: Nhà số 8/19 H, phường P, thành phố N, tỉnh K1.

**2.3.** Bà **Lê Thị Xuân N**, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Nhà số 12 C, phường P, thành phố N, tỉnh K1.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn:*

Luật sư **Đặng Thị Kim N1** - Văn phòng Luật sư K, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K1.

**3.** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

**3.1.** Anh Lê Chí M, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: Nhà số 07A L, phường L, thành phố N, tỉnh K1.

**3.2.** Anh Lê Chí H2, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: Nhà số 07A L, phường L, thành phố N, tỉnh K1.

**3.3.** Ông Đặng Văn T- Công chứng viên, Văn phòng Công chứng K; địa chỉ: Số 10 H, phường T, thành phố N, tỉnh K1.

**3.4.** Văn phòng Công chứng K; địa chỉ: Số 10 H, phường T, thành phố N, tỉnh K1.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đặng Văn T - Trưởng văn phòng.

**3.5.** Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; địa chỉ trụ sở: Số 442 N, Phường 5, Quận H, thành phố H.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Minh T1 - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 39/UQ-QLN20 ngày 17-02-2020):*

Ông Nguyễn Huy L; địa chỉ cư trú: Nhà số 218 B, phường P, quận H, thành phố Đ.

**3.6.** Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ H; địa chỉ: Số 77 đường 2/4, phường V, T2 phố N, tỉnh K1.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Văn T3 - Chức vụ: Giám đốc.

**4.** *Người làm chứng:*

**4.1.** Bà Hà Thị Như N2; địa chỉ cư trú: Nhà số 12A N, phường T, thành phố N, tỉnh K1.

**4.2.** Bà Hà Thị D1; địa chỉ cư trú: Nhà số 17/6B P, phường L, thành phố N, tỉnh K1.

**4.3.** Ông Nguyễn Hữu Duy L; địa chỉ làm việc: Số 7A L, phường L, thành phố N, tỉnh K1.

**4.4.** Bà Lê Thị Cẩm N3; địa chỉ làm việc: Số 7A L, phường L, thành phố N, tỉnh K1.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Cụ Lê Đình C (chết ngày 15-10-2019) và cụ Trần Thị Bích T2 (chết ngày 07-4-2019) có 04 người con chung gồm: Bà Lê Thị Thu H1, bà Lê Thị Xuân N, bà Lê Thị

Hồng M2 và ông Lê Chí T3. Ông T3 chết ngày 30-4-2016, ông T3 có vợ là bà Trương Thị D và 02 con là anh Lê Chí M và anh Lê Chí H2.

Quá trình chung sống, vợ chồng cụ Lê Đình C tạo lập được khối tài sản chung là nhà và đất tại số 7A L (trước đây là số 80 Quang Trung), phường L, thành phố N, tỉnh K1, có diện tích đất 77,06 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 86/99, do UBND tỉnh K1 cấp ngày 12-6-1999 đứng tên cụ Lê Đình C và cụ Trần Thị Bích T2.

Khi còn sống, cụ Lê Đình C và cụ Trần Thị Bích T2 đã lập 04 bản di chúc, cụ thể:

1. Ngày 06-12-2013, vợ chồng cụ C lập bản di chúc thứ nhất. Nội dung để lại toàn bộ nhà và đất nêu trên cho con trai ông Lê Chí T3 và con dâu là bà Trương Thị D, theo đó xác định ông T3 và bà D “*Có trách nhiệm chăm lo việc mồ mả và thờ cúng ông bà, cha mẹ theo phong tục của người Việt Nam ta*”. Di chúc này được công chứng tại Phòng Công chứng số 1, tỉnh K1 hành Hòa (bút lục số 200 - 201).

2. Ngày 22-6-2016, vợ chồng cụ C lập bản di chúc thứ hai (thời điểm này ông T3 đã chết). Nội dung di chúc xác định để lại toàn bộ nhà và đất nêu trên cho con dâu là bà Trương Thị D và cháu nội là anh Lê Chí M và anh Lê Chí H2, theo đó xác định bà D, anh M và anh H2 “*Có trách nhiệm chăm lo việc mồ mả và thờ cúng ông bà, cha mẹ theo phong tục của người Việt Nam ta*”. Di chúc được công chứng tại Phòng Công chứng số 1, tỉnh K1 (bút lục số 198 - 199).

3. Ngày 27-10-2017, vợ chồng cụ C lập bản di chúc thứ ba. Nội dung di chúc xác định để lại toàn bộ nhà và đất nêu trên cho bà Trương Thị D, anh Lê Chí M và anh Lê Chí H2. Ngoài ra, di chúc này còn xác định nghĩa vụ của những người thừa kế đối với khoản vay và thế chấp tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh K. Di chúc này thay thế các di chúc được lập trước đây và được công chứng tại Phòng Công chứng số 1, tỉnh K1 (bút lục số 296 - 298).

4. Ngày 06-9-2019 (thời điểm này cụ T2 đã chết), cụ C lập bản di chúc thứ tư. Nội dung để lại phần di sản của cụ C và phần di sản cụ C được hưởng của cụ T2 cho các con gái gồm: bà Lê Thị Thu H1, bà Lê Thị Xuân N và bà Lê Thị Hồng M2. Đồng thời, nội dung di chúc cũng xác định nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đối với những người hưởng thừa kế của cụ C. Di chúc được công chứng tại nhà số 01C L, phường P, thành phố N và Văn phòng Công chứng K (bút lục số 823 - 825).

Ngày 15-10-2019, cụ C chết. Sau khi cụ C chết, các con và cháu nội của cụ C, cụ T2 không thỏa thuận được việc phân chia tài sản theo di chúc.

Ngày 21-10-2019, nguyên đơn bà Trương Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ Di chúc được lập ngày 06-9-2019 của cụ Lê Đình C và đề nghị không chấp nhận yêu cầu của các bà Lê Thị Thu H1, Lê Thị Xuân N, Lê Thị Hồng M2 về việc chia di sản theo Di chúc lập ngày 06-9-2019 (Di chúc lần thứ 4); công nhận hiệu lực của Di chúc ngày 27-10-2017 (Di chúc lần thứ 3) và công nhận quyền sở hữu, định đoạt tài sản theo di chúc này; không chấp nhận yêu cầu của bà H1, bà N và bà M2 về việc được nhận ½ số tiền thuê nhà 01 năm của Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ H (từ tháng 8-2019 đến tháng 8-2020) là 360.000.000 đồng; buộc Ngân hàng TMCP A

giao trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 86/99, do UBND tỉnh K1 cấp ngày 12-6-1999 cho nguyên đơn.

Đồng bị đơn là các bà Lê Thị Thu H1, Lê Thị Xuân N, Lê Thị Hồng M2 yêu cầu công nhận Di chúc lập ngày 06-9-2019 (Di chúc lần thứ 4) có hiệu lực pháp luật và yêu cầu chia tài sản nhà và đất theo di chúc này; yêu cầu chia số tiền thuê nhà là 720.000.000 đồng, vì đây là tài sản thừa kế.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

**1. Văn phòng Công chứng K và ông Đặng Văn T trình bày:**

Chiều ngày 06-9-2019, bà Lê Thị Hồng M2 (con gái cụ Lê Đình C) đến gặp ông T tại Văn phòng Công chứng K và nói rằng cụ C muốn lập di chúc. Cụ C đã nhờ người đánh máy di chúc và yêu cầu ông T công chứng di chúc tại nhà số 01C Chi Lăng, vì cụ C đang ở đó. Theo yêu cầu trên, vào lúc 17 giờ 00 phút ngày 06-9-2019, ông T đã đến nhà số 01C L để công chứng di chúc. Khi gặp cụ C, ông đã kiểm tra giấy tờ tùy thân là Chứng minh nhân dân và hộ khẩu của cụ C. Tại thời điểm lập di chúc còn có hai nhân chứng là bà Nguyễn Thị Như N2 và bà Hà Thị D1. Bà N2 là người soạn thảo di chúc theo ý nguyện của cụ C và trực tiếp đọc di chúc cho cụ C nghe trước sự có mặt của ông T và bà Hà Thị D1. Sau khi nghe bà N2 đọc di chúc, cụ C xác nhận đúng với ý nguyện của cụ và đồng ý toàn bộ nội dung của di chúc rồi ký tên, điểm chỉ vào di chúc. Di chúc này được lập thành 03 bản, lưu tại Văn phòng Công chứng Kim Ngân 01 bản và giao cho cụ C 02 bản. Ông T xác nhận tại thời điểm công chứng di chúc, ông đã kiểm tra và thấy cụ C hoàn toàn minh mẫn, tỉnh táo, không chịu áp lực nào; cụ C còn đưa cho ông xem Giấy khám sức khỏe tại bệnh viện Quân y 87. Vì vậy, ông khẳng định việc công chứng di chúc của cụ C ngày 06-9-2019 là đúng pháp luật.

**2. Công ty TNHH Thương Mại - Dịch vụ H trình bày:**

Trước đây công ty có thuê nhà số 7A L, phường L, thành phố N để kinh doanh xe máy, thời hạn thuê 5 năm, từ tháng 7-2014 đến tháng 7-2019 (hợp đồng không ghi ngày) với cụ Lê Đình C, cụ Trần Thị Bích T2 và ông Lê Chí T3. Khi cụ C, cụ T2 và ông T3 còn sống thì hợp đồng được thực hiện bình thường. Sau khi những người này lần lượt qua đời, lúc cụ C chết cũng là lúc hợp đồng hết hạn. Khi còn sống, cụ C, cụ T2 và ông T3 đều đồng ý để công ty tiếp tục thuê mặt bằng và giao bà Trương Thị D quản lý việc thuê mặt bằng trên. Đến tháng 4-2019, cụ T2 qua đời, cụ C không còn minh mẫn, mất trí nhớ, nên công ty không làm việc được với cụ C nữa. Sau đó, cụ C được bà Lê Thị Hồng M2 đưa về nhà bà M2, do đó công ty không liên hệ được với cụ C. Hiện tại, công ty vẫn liên lạc với bà Trương Thị D (là người đang quản lý nhà, đất) để trao đổi về việc thuê nhà. Bà D đồng ý cho công ty tiếp tục sử dụng mặt bằng thuê và cam kết chịu mọi trách nhiệm pháp lý về việc cho thuê mặt bằng. Hiện tại, hợp đồng thuê nhà đã hết và nhà đang có tranh chấp, nên công ty sẽ chờ quyết định của Tòa án và tiếp tục làm hợp đồng thuê với người được Tòa án công nhận quyền sở hữu.

**3. Ngân hàng Thương mại cổ phần A trình bày:**

Ngày 17-02-2020, Ngân hàng A có Đơn yêu cầu độc lập số 39/KNQLN.20 yêu cầu bà Trương Thị D trả nợ vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số KHA.CN.26270618

ngày 03-7-2018; đồng thời, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của cụ Lê Đình C, cụ Trần Thị Bích T2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số KHA.BĐCN.01.140514 ngày 28-5-2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số KHA.BĐCN.01.140514/SĐBS-01 ngày 02-7-2018 để đảm bảo thu hồi nợ. Hiện nay, bà Trương Thị D đã thanh toán toàn bộ số tiền nợ, do đó Ngân hàng A đã có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập.

- *Người làm chứng:*

**1. Bà Nguyễn Thị Như N2 và bà Hà Thị D1 trình bày:**

Tại thời điểm lập di chúc cho cụ Lê Đình C tại nhà số 01C R, phường P, thành phố N (ngày 06-9-2019), thì tinh thần cụ C minh mẫn, tỉnh táo và khỏe mạnh.

**2. Ông Nguyễn Hữu Duy L và bà Lê Thị Cẩm N3 trình bày:**

Ông, bà là nhân viên của Công ty TNHH Thương Mại - Dịch vụ H và làm việc tại Cửa hàng kinh doanh xe máy, địa chỉ: Số 7A L, phường L, thành phố N. Khoảng tháng 4-2019, cụ Trần Thị Bích T2 qua đời, thì cụ Lê Đình C sống tại tầng 2 ngôi nhà này và tinh thần cụ C không còn minh mẫn nữa. Đầu tháng 5-2019, ông bà không còn thấy cụ C ở tại ngôi nhà trên. Trong thời gian cụ C ở cùng với bà Trương Thị D và các cháu của cụ, thì được mọi người đối xử rất tốt, không có hành vi nào thiếu chuẩn mực với cụ.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 29-9-2020, Tòa án nhân dân thành phố N quyết định:**

Căn cứ các Điều 117, 611, 612, 613, 616, 623, 624, 625, 630, 636 và 643 của Bộ luật Dân sự; Điều 4 và khoản 5 Điều 40 của Luật Công chứng, xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trương Thị D về việc tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.**

Tuyên bố Di chúc của cụ Lê Đình C lập ngày 06-9-2019, được công chứng tại Văn phòng Công chứng K, số công chứng 116/2019, quyển số 01/TP/CC-SCC/DC ngày 06-9-2019 vô hiệu.

**2. Chấp nhận yêu cầu công nhận hiệu lực của Di chúc ngày 27-10-2017 của cụ Lê Đình C cùng vợ là cụ Trần Thị Bích T2, được công chứng tại Văn phòng Công chứng số 1 tỉnh K1 (số công chứng 6598, quyển số 07 TP/CCC/HĐGD) để lại thừa kế cho bà Trương Thị D, các anh Lê Chí M và Lê Chí H2, nhà đất tại số 7A L (trước đây là số 80 Quang Trung), phường L, thành phố N, tỉnh K1, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 86/99, do UBND tỉnh K1 cấp ngày 12-6-1999.**

- Công nhận quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt của bà Trương Thị D, các anh Lê Chí M và Lê Chí H2 đối với nhà đất tại số 7A L (trước đây là số 80 Quang Trung), phường L, thành phố N, tỉnh K1, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 86/99, do UBND tỉnh K1 cấp ngày 12-6-1999 (có Trích đo địa chính thửa đất ngày 12-5-2020 của Công ty TNHH Đo đạc và dịch vụ địa chính N kèm theo bản án).

- Bà Trương Thị D, các anh Lê Chí M và Lê Chí H2 có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu chia nhà đất tại số 7A L (trước đây là số 80 Quang Trung), phường L, thành phố N, tỉnh K1, theo Di chúc ngày 06-9-2019 của cụ Lê Đình C và theo Di chúc ngày 27-10-2017 của cụ Trần Thị Bích T2, theo đơn khởi kiện của các bị đơn (các bà Lê Thị Thu H1, Lê Thị Xuân N và Lê Thị Hồng M2).

4. Không chấp nhận yêu cầu của các bị đơn (các bà Lê Thị Thu H1, Lê Thị Xuân N và Lê Thị Hồng M2) về việc buộc bà Trương Thị D phải thanh toán cho các bị đơn số tiền 360.000.000 đồng và buộc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ H chấm dứt việc thuê nhà.

5. Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bà Trương Thị D.

- Ngân hàng thương mại cổ phần A phải giao trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 86/99, do UBND tỉnh K1hánh Hòa cấp ngày 12-6-1999 cho bà Trương Thị D, các Lê Chí M và Lê Chí H2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 23-10-2020, bị đơn là các bà Lê Thị Thu H1, Lê Thị Xuân N và Lê Thị Hồng M2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 30-10-2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng Công chứng K và Công chứng viên Đặng Văn T kháng cáo, đề nghị không chấp nhận yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu của nguyên đơn; công nhận Di chúc ngày 06-9-2019 của cụ Lê Đình C là di chúc hợp pháp.

***Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 01/2022/DS-PT ngày 05-01-2022, Tòa án nhân dân tỉnh K1hánh Hòa quyết định:***

Căn cứ các Điều 189, 191, 193 và 296, khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 504, Điều 505 và Điều 506 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 29-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố N; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố N giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Ngày 28-02-2022, nguyên đơn là bà Trương Thị D có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật, những vấn đề của vụ án đã được làm sáng tỏ, không cần chứng minh gì thêm.

***Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 32/2022/KN-DS ngày 14-11-2022, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:***

Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 29-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh K1.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Cụ Lê Đình C (chết ngày 15-10-2019) và cụ Trần Thị Bích T2 (chết ngày 07-4-2019) có 04 người con chung gồm: bà Lê Thị Thu H1, bà Lê Thị Xuân N, bà Lê Thị Hồng M2 và ông Lê Chí T3 (chết ngày 30-4-2016). Quá trình chung sống, cụ C và cụ T2 đã lập 03 bản di chúc chung:

- Tại Di chúc thứ nhất lập ngày 06-12-2013, vợ chồng cụ Lê Đình C để lại toàn bộ nhà và đất tại số 7A L (trước đây là số 80 Quang Trung), phường L, thành phố N, tỉnh K1 cho con trai là ông Lê Chí T3 và con dâu là bà Trương Thị D. Nội dung di chúc cũng xác định, ông T3 và bà D “*Có trách nhiệm chăm lo việc mồ mả và thờ cúng ông bà, cha mẹ theo phong tục của người Việt Nam ta*”.

- Tại Di chúc thứ hai lập ngày 22-6-2016, vợ chồng cụ Lê Đình C để lại toàn bộ nhà và đất trên cho con dâu là bà Trương Thị D và cháu nội là các anh Lê Chí M và Lê Chí H2 (thời điểm này ông Lê Chí T3 đã chết). Nội dung di chúc cũng xác định bà D, anh M và anh H2 “*Có trách nhiệm chăm lo việc mồ mả và thờ cúng ông bà, cha mẹ theo phong tục của người Việt Nam ta*”.

- Tại Di chúc thứ ba lập ngày 27-10-2017, vợ chồng cụ Lê Đình C để lại toàn bộ nhà và đất cho bà Trương Thị D, các anh Lê Chí M và Lê Chí H2. Ngoài ra, di chúc này còn xác định nghĩa vụ của những người thừa kế đối với khoản vay và thế chấp tại Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh K; di chúc này cũng thay thế các di chúc được lập trước đây.

Như vậy, ba bản di chúc chung của vợ chồng cụ Lê Đình C đều thống nhất để lại nhà và đất cho các thành viên của gia đình con trai là ông Lê Chí T3, với mong muốn vợ chồng con trai và các cháu nội chăm lo việc mồ mả và thờ cúng ông bà, cha mẹ theo phong tục của người Việt Nam. Cả ba di chúc chung đều được cụ Lê Đình C và cụ Trần Thị Bích T2 lập trong trạng thái hoàn toàn minh mẫn, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; đồng thời, các bản di chúc còn được công chứng tại Phòng Công chứng số 1, tỉnh K1 và hiện không có ai tranh chấp. Tuy nhiên, Di chúc lập ngày 27-10-2017 (lần thứ 3) được công chứng tại Phòng Công chứng số 1, tỉnh K1, số công chứng 6598, quyển số 07TP/CC-SCC/HĐGD đã thay thế các bản di chúc trước đây. Do đó, Di chúc chung lần thứ 3 của vợ chồng cụ Lê Đình C lập ngày 27-10-2017 là hợp pháp, nên có hiệu lực.

[2]. Đối với Di chúc lần thứ tư lập ngày 06-9-2019, nội dung di chúc xác định cụ Lê Đình C để lại phần di sản của cụ và phần di sản mà cụ C được hưởng của cụ Trần Thị Bích T2 cho các con gái gồm: Bà Lê Thị Thu H1, bà Lê Thị Xuân N và bà Lê Thị

Hồng M2; ngoài ra, nội dung di chúc cũng xác định nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đối với những người hưởng thừa kế di sản của cụ C, các di chúc của cụ C đã lập trước đây không còn hiệu lực. Di chúc này được công chứng tại nhà số 01C R, phường P, thành phố N và Văn phòng Công chứng K, tỉnh K1.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Tại Văn bản số 723/BVTT-KHTH ngày 20-5-2021 của Bệnh viện chuyên khoa Tâm thần, thuộc Sở y tế tỉnh K1 cung cấp thông tin về trường hợp bệnh nhân Lê Đình C thể hiện: “Ngày 26-4-2019, bệnh nhân Lê Đình C có đến Bệnh viện khám, được Bác sĩ chuyên khoa I Nguyễn Thị Minh Thu khám và cho chỉ định làm trắc nghiệm tâm lý. Kết quả trắc nghiệm tâm lý: Suy giảm nhận thức mức độ nặng. Qua đó, Bác sĩ chuyên khoa I Nguyễn Thị Minh Thu đã chẩn đoán: Mất trí không biệt định và không có chỉ định dùng thuốc để điều trị. Ngày 25-6-2019, bệnh nhân được bà Lê Thị Xuân N, sinh năm 1959 là con của bệnh nhân đưa đến Bệnh viện khám và xin cấp Giấy xác nhận về tình trạng bệnh hiện tại của bệnh nhân. Sau khi được Bác sĩ chuyên khoa I Nguyễn Thị Minh Thu khám, khai thác các thông tin về tiền sử bệnh và chẩn đoán: Mất trí không biệt định mức độ nhẹ (F03.0), đồng thời Bệnh viện đã cấp cho bệnh nhân Giấy chứng nhận số 163/CN-BVTT ngày 25/6/2019” (bút lục số 1203). Như vậy, anh Lê Chí M (là cháu nội) và bà Lê Thị Xuân N (là con gái) đều đưa cụ Lê Đình C đến khám tại Bệnh viện trên và đều được chẩn đoán “Cụ C mất trí không biệt định”, trong khi di chúc lần thứ tư của cụ C được lập ngày 06-9-2019, tức là được lập sau thời điểm cụ C đã 02 lần đi khám bệnh và đã được chẩn đoán “Mất trí không biệt định”. Do đó, theo quy định tại Điều 630 của Bộ luật Dân sự, thì bản di chúc này không đảm bảo tính hợp pháp, nên không được pháp luật bảo vệ.

Ngoài ra, sau khi anh Lê Chí M đưa cụ C đi khám tại Bệnh viện chuyên khoa Tâm thần và có kết quả ngày 26-4-2019, thì anh M đã gửi đơn xin ngăn chặn (kèm theo Phiếu kết quả trắc nghiệm tâm lý ngày 26-4-2019 của Bệnh viện) tới Văn phòng Công chứng K, đề nghị không công chứng các văn bản có liên quan đến cụ Lê Đình C; đồng thời, anh M cũng có đơn thư khiếu nại, tố cáo gửi nhiều cơ quan chức năng về các nội dung công chứng của Văn phòng Công chứng K trước đây. Tuy nhiên, Văn phòng Công chứng K và Công chứng viên Đặng Văn T đã không tiến hành xác minh, làm rõ năng lực hành vi dân sự của cụ Lê Đình C, cũng như các vấn đề liên quan đến nội dung cần công chứng trước khi tiến hành công chứng bản Di chúc lập ngày 06-9-2019 là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 40 của Luật Công chứng. Mặt khác, trong quá trình giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự của người yêu cầu là anh Lê Chí M và người bị yêu cầu là cụ Lê Đình C, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã ra quyết định trưng cầu giám định và ngày 19-7-2019, Hội đồng giám định đến nhà bà Lê Thị Hồng M2 tại địa chỉ 01C R để tiến hành giám định năng lực hành vi dân sự đối với cụ C, nhưng vợ chồng bà M2 không đồng ý cho Hội đồng giám định y khoa vào nhà làm việc (bút lục số 74); do đó, việc bà M2 cho rằng cụ Lê Đình C minh mẫn nhưng lại không hợp tác để chứng minh vấn đề này là không hợp lý, điều này chứng tỏ tại thời điểm này năng lực hành vi dân sự của cụ Lê Đình C là không bình thường. Ngoài ra, việc cụ Lê Đình C không còn minh mẫn trước thời điểm xác lập bản di chúc lần thứ tư cũng phù hợp

với lời khai của những người làm chứng (ông Nguyễn Hữu Duy L và bà Lê Thị Cẩm N3, nhân viên của Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ H) và lời khai xác nhận của đại diện công ty này. Như vậy, theo quy định tại Điều 630 của Bộ luật Dân sự, thì Di chúc của cụ Lê Đình C được công chứng tại Văn phòng Công chứng Kim Ngân, số công chứng 116/2019, quyền số 01/TP/CC-SCC/DC ngày 06-9-2019 là không hợp pháp.

[3]. Từ phân tích trên, có căn cứ để xác định Di chúc chung lần thứ ba của vợ chồng cụ Lê Đình C, Trần Thị Bích T2 lập ngày 27-10-2017, được công chứng tại Phòng Công chứng số 1, tỉnh K1 là hợp pháp, nên có hiệu lực. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xác định Di chúc lần thứ tư do cụ Lê Đình C lập ngày 06-9-2019 (được công chứng tại Văn phòng Công chứng K) không hợp pháp, từ đó tuyên vô hiệu di chúc này là có căn cứ. Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét, đánh giá đầy đủ các vấn đề cần giải quyết trong vụ án, mà chỉ xem xét, đánh giá phần thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm rồi hủy bản án sơ thẩm để giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại là không cần thiết.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, Điều 343, Điều 344, Điều 348 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**1.** Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 32/2022/KN-DS ngày 14-11-2022 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**2.** Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 01/2022/DS-PT ngày 05-01-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh K1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 29-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố N, về vụ án “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, giữa nguyên đơn là bà Trương Thị D với bị đơn là các bà Lê Thị Hồng M2, Lê Thị Thu H1, Lê Thị Xuân N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Chí M, anh Lê Chí H2, ông Đặng Văn T, Văn phòng công chứng K, Ngân hàng TMCP A và Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ H.

**3.** Về án phí dân sự phúc thẩm:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6, khoản 7 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bà Lê Thị Hồng M2 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0017852 ngày 09-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh K1.

- Ông Đặng Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án

phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000319 ngày 25-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh K1.

- Văn phòng Công chứng K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0017861 ngày 09-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh K1.

Trường hợp bà Lê Thị Hồng M2, ông Đặng Văn T và Văn phòng Công chứng K đã nhận lại số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo quyết định của bản án dân sự phúc thẩm, thì bà M2, ông T và Văn phòng Công chứng K phải nộp lại số tiền án phí dân sự phúc thẩm nêu trên.

- Bà Lê Thị Thu H1 và bà Lê Thị Xuân N thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn tiền án phí phúc thẩm.

**4.** Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh K1;
- TAND thành phố N;
- TANDTC - Vụ II;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS thành phố N;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng GDKT II, LTHS.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Việt Cường**

